

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** B1.302**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 16/12/2020

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0001	Phạm Thị	Hương	28/08/1995				
2	TA0002	Hoàng Thu	Hương	09/10/1995				
3	TA0003	Nguyễn Ngọc	Lê	09/05/1999				
4	TA0004	Nguyễn Văn	Quyền	05/12/1990				
5	TA0005	Trần Văn	Nam	11/01/1981				
6	TA0006	Vũ Thanh	Tâm	12/10/1980				
7	TA0007	Lê Việt	Trung	20/02/1999				
8	TA0008	Vũ Hữu	Phong	10/11/1995				
9	TA0009	Đặng Thế	Anh	06/06/1995				
10	TA0010	Phạm Thùy	Dung	07/02/1985				
11	TA0011	Cao Hà	Linh	08/06/1995				
12	TA0012	Trần Thị Vân	Anh	20/12/1995				
13	TA0013	Phạm Quang	Vũ	18/02/1989				
14	TA0014	Nguyễn Thị Thanh	Dung	20/07/1987				
15	TA0015	Nguyễn Văn	Tiến	21/05/1983				
16	TA0016	Lại Đức	Trung	28/01/1999				
17	TA0017	Trần Văn	Doanh	05/12/1987				
18	TA0018	Vũ Thị Ngân	Hà	10/12/1999				
19	TA0019	Phạm Tấn	Thành	04/06/1996				
20	TA0020	Nguyễn Quang Ninh	Anh	25/05/1999				
21	TA0021	Nguyễn Văn	Thái	25/02/1999				
22	TA0022	Nguyễn Ngọc	Ánh	03/03/1999				
23	TA0023	Lục Bằng	Giang	06/08/1996				
24	TA0024	Khuất Thị	Huyền	11/3/1999				
25	TA0025	Nguyễn Minh Hoàng	Việt	14/12/1992				
26	TA0026	Võ Minh	Nam	17/11/1999				
27	TA0027	Nguyễn Kim	Trọng	13/12/1989				
28	TA0028	Nguyễn Thu	Thủy	12/03/1999				
29	TA0029	Đàm Hữu	Anh	29/01/1995				
30	TA0030	Nguyễn Văn	Quyền	01/5/1998				
31	TA0031	Đinh Quý	Hải	20/12/1995				
32	TA0032	Nguyễn Minh	Tâm	02/9/1987				

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
33	TA0033	Nguyễn Thu	Trà	13/5/1996				
34	TA0034	Vũ Thị Quỳnh	Hương	25/7/1986				
35	TA0035	Đỗ Thành	Tài	03/01/1976				
36	TA0036	Trần Hoàng	Minh	12/8/1996				
37	TA0037	Lưu Thị	Huê	23/10/1983				
38	TA0038	Nguyễn Thị	Thanh	20/6/1999				
39	TA0039	Nguyễn Thị	Hà	15/3/1999				
40	TA0040	Nguyễn Thùy	Trang	20/3/1999				
41	TA0041	Đỗ Trọng	Hòa	14/12/1999				
42	TA0042	Đặng Anh	Minh	25/4/1999				
43	TA0043	Lê Vĩnh	Sơn	10/7/1975				
44	TA0044	Nguyễn Mạnh	Toàn	24/12/1999				
45	TA0045	Đỗ Văn	Luật	29/3/1999				
46	TA0046	Lê Thị	Vân	15/5/1999				
47	TA0047	Nguyễn Thị	Chinh	17/7/1999				
48	TA0048	Lê Minh	Ngọc	25/6/1968				
49	TA0049	Vũ Hoàng Nhật	Minh	12/3/1994				
50	TA0050	Bùi Xuân	Chinh	5/4/1995				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)